

TÒA ÁN NHÂN DÂN
H1ỆN ĐỨC TRỌNG
TỈNH LÂM ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 92/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18 – 9 – 2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN H1ỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chu Văn Chí

Bà Nguyễn Thị Ngọc

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Triệu Thảo Trang – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân H1ện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H1ện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Bảng – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân H1ện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 261/2024/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2024 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/9/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thượng Đặng Kim T, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Hẻm X, thôn L, xã H, H1ện Đ, tỉnh Lâm Đồng (có mặt tại phiên tòa).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Hẻm X, thôn L, xã H, H1ện Đ, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26/3/2024, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Thượng Đặng Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn L đăng ký kết hôn vào năm 2013, có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, H1ện L, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy

chứng nhận kết hôn số 27 ngày 14/3/2013. Hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn vợ chồng tôi chung sống tại xã H, H1ện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung sau khi cưới xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 6/2023 ông L cH1ên ra ngoài sống riêng, bà đã từng nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông L nhưng được Tòa án hoà giải, bà thương con nên đã rút đơn ly hôn. Tuy nhiên, sau khi rút đơn về tình cảm vợ chồng không cải thiện và không thể tiếp tục chung sống với nhau. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung Nguyễn Thượng H, sinh ngày 13/3/2014, Nguyễn Thượng H1, sinh ngày 13/3/2014 và Nguyễn Thượng H2, sinh ngày 28/3/2019. Khi ly hôn bà T yêu cầu nuôi dưỡng hai con Nguyễn Thượng H và Nguyễn Thượng H2, giao con Nguyễn Thượng H1 cho ông Nguyễn Văn L nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Nguyễn Văn L đã được Tòa án triệu tập nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến trình bày.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do ông L triệu tập không đến Tòa và bà T yêu cầu không tiến hành hoà giải.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H1ện Đ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi nghị án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử là đúng quy định. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thượng Đặng Kim T, cho bà Thượng Đặng Kim T và ông Nguyễn Văn L được ly hôn; Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Thượng H, sinh ngày 13/3/2014 và Nguyễn Thượng H2, sinh ngày 28/3/2019 cho bà Thượng Đặng Kim T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao con chung Nguyễn Thượng H1, sinh ngày 13/3/2014 cho ông Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng. Bà T, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản

chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Xuất phát từ việc bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn và yêu cầu nuôi con chung đối với ông L, ông L không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bị đơn cư trú tại thôn L, xã H, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân H1ện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Thượng Đặng Kim T và ông Nguyễn Văn L đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Lâm Đồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 14/3/2013, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L là hợp pháp. Qua lời trình bày của bà T thì cuộc sống chung sau khi kết hôn xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, bà T không còn tình cảm với ông L nên yêu cầu ly hôn. Tòa án đã thông báo cho ông L về yêu cầu ly hôn của bà T, ông L biết nhưng không có ý kiến gì, thể hiện thái độ của ông L là thờ ơ, bỏ mặc, không có thiện chí mong muốn hòa giải, hàn gắn tình cảm với bà T. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã động viên bà T rút đơn nhưng bà T vẫn kiên quyết ly hôn. Nhận thấy mâu thuẫn của hai bên lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thượng Đặng Kim T, cho bà Thượng Đặng Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

[3] Về con chung: Bà T và ông L có 03 con chung Nguyễn Thượng H, sinh ngày 13/3/2014, Nguyễn Thượng H1, sinh ngày 13/3/2014 và Nguyễn Thượng

H2, sinh ngày 28/3/2019. Ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Thượng H và Nguyễn Thượng H2, giao con Nguyễn Thượng H1 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Xét yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà T thì thấy, trong thời gian bà T và ông L sống ly thân thì hai con Thượng H và Thượng H2 ở với bà T, con Thượng H1 ở với ông L, con Thượng H trên 7 tuổi có nguyện vọng ở với mẹ, con Thượng H1 có nguyện vọng ở với cha, đối với con Thượng H2 còn nhỏ cần sự chăm sóc trực tiếp của mẹ. Mặt khác, ông L không có ý kiến gì đối với yêu cầu nuôi con chung của bà T. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của các con, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao con Nguyễn Thượng H và Nguyễn Thượng H2 cho bà Thượng Đặng Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, giao con Nguyễn Thượng H1 cho ông Nguyễn Văn L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ các Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thượng Đặng Kim T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với ông Nguyễn Văn L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Thượng Đặng Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Văn L.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Thượng H, sinh ngày 13/3/2014 và Nguyễn Thượng H2, sinh ngày 28/3/2019 cho bà Thượng Đặng Kim T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến ngày các

con thành niên; Giao con chung Nguyễn Thượng H1, sinh ngày 13/3/2014 cho ông Nguyễn Văn L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến ngày các con thành niên. Bà Thượng Đặng Kim T, ông Nguyễn Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Thượng Đặng Kim T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà T đã tạm nộp theo biên lai thu số 0003875 ngày 08 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự H1ện Đ. Bà Thượng Đặng Kim T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bà T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Ông L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- UBND xã M, huyện , tỉnh Lâm Đồng
(số 27, ngày 14/3/2013);
- Lưu AV, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Trần Thị Hằng